TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH LIÊM** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 7 - 2022.
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH LIÊM - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Trần Văn Cảnh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mai;

2. Ông Quách Xuân Luyện;

- Thư ký phiên toà: bà Nhiếp Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm - tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: ông Vũ Đình Tưởng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2022 về việc *"Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022, giữa:

*** Nguyên đơn:** chị Nguyễn Thị N - sinh năm 1996; nơi ĐKHKTT: tiểu khu C G, thị trấn K K, huyện T L, tỉnh Hà Nam; nơi ở hiện nay: Tổ 3, phường T T, thành phố P L, tỉnh Hà Nam.

*** Bị đơn:** anh Hoàng Đình C - sinh năm 1996; nơi ĐKHKTT và nơi ở: tiểu khu C G, thị trấn K K, huyện T L, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên tòa: chị N có mặt, anh C xin vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/3/2022 và bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị kết hôn với anh Hoàng Đình C vào năm 2019, anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Kiện Khê, huyện Thanh Liêm ngày 19/02/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sinh sống cùng mẹ anh C tại thị trấn K K, huyện T L, tỉnh Hà Nam được một thời gian sau đó vợ

chồng ra ở riêng; nhưng vợ chồng chỉ chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một vài tháng đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống; dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, đánh đập nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Tháng 3/2021, anh C đã đánh và đuổi chị ra khỏi nhà, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không có liên lạc gì, không còn quan tâm đến nhau nữa, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Đến nay, chị xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, khả năng đoàn tụ không còn. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Đình C

- Về con chung: Vợ chồng không có.

- Về con nuôi, con riêng: Vợ chồng đều không có, hiện nay chị không mang thai.

- Về tài sản chung, công nợ: Vợ chồng không có, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Vợ chồng không có gì nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

** Về phía bị đơn Hoàng Đình C trình bày:* Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị N vào năm 2019, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Kiện Khê, huyện Thanh Liêm. Sau khi kết hôn, chúng tôi chỉ chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống; dẫn đến vợ chồng thường xuyên xay ra va chạm, cãi vã, đánh đập nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Từ tháng 2/2020, chị N đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không có liên lạc gì, không còn quan tâm đến nhau nữa, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Đến nay, anh xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn. Chị N có đơn xin ly hôn với anh, anh cũng nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng không có.

- Về con nuôi, con riêng: Vợ chồng đều không có.

- Về tài sản chung, công nợ: Vợ chồng không có, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Vợ chồng không có gì nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

** Xác minh tại chính quyền địa phương xác định:* Chị Nguyễn Thị N và anh Hoàng Đình C kết hôn với nhau năm 2019, trên cơ sở tự nguyện. Anh, chị có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Kiện Khê, huyện Thanh Liêm ngày 19/02/2019. Sau

khi kết hôn, vợ chồng anh, chị chung sống được một thời gian thì giữa vợ chồng đã bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do trong quá trình chung sống làm ăn đã xẩy ra bất đồng dẫn đến vợ chồng to tiếng, sau đó vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Do anh chị có đơn đề nghị không yêu cầu hòa giải tại cơ sở nên về nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể giữa vợ chồng anh chị địa phương không nắm rõ. Đến nay, chị N có đơn xin ly hôn với anh C, quan điểm của chính quyền địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

- Về con chung: Vợ chồng anh chị không có

- Về tài sản chung: Anh, chị không có tài sản chung.

- Về công nợ: Tại địa phương anh, chị không có nợ tập thể, còn có nợ cá nhân nào không thì địa phương không rõ.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị N bổ sung ý kiến là vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 2/2020 đến nay và giữ nguyên các ý kiến khác như đã trình bầy.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N. Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Hoàng Đình C. Về án phí ly hôn sơ thẩm, chị Nguyễn Thị N phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị N có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn" quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn là anh Hoàng Đình C hiện đang có HKTT và cư trú tại thị trấn K K, huyện TL, tỉnh Hà Nam; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Thanh Liêm.

Bị đơn anh Hoàng Đình C có ý kiến xin xét xử vắng mặt tại các phiên hòa giải và phiên tòa; Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định phiên tòa vẫn được tiến hành xét xử theo thủ tục chung mặc dù có sự vắng mặt của bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Hoàng Đình C kết hôn hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 19/02/2019 tại UBND thị trấn Kiện Khê, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, nên đây là hôn nhân hợp pháp, được Luật Hôn nhân và gia đình bảo vệ. Sau khi kết hôn anh, chị chỉ chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn tháng thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2020 cho đến nay và không quan tâm đến nhau, không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm, hàn gắn quan hệ vợ chồng. Đến nay, chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C. Xét thấy: mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị N và anh Hoàng Đình C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị N xin ly hôn anh C là có căn cứ, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: vợ chồng không có. Về con nuôi, con riêng: vợ chồng không có hiện nay chị N không mang thai.

[4] Về tài sản, công nợ, ruộng tăng sản, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: chị Nguyễn Thị N xác định vợ chồng không có và không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Hoàng Đình C.

2. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được đối trừ số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai số 0001277 ngày 09/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Liêm.

3. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Thanh Liêm;
- Chi cục THADS huyện Thanh Liêm;
- UBND thị trấn Kiện Khê, huyện Thanh Liêm;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Cảnh